TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2019
"V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hữu Tỷ và ông Phạm Xuân Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25-9-2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 12-4-2019 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 10-9-2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 05a/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 30-9-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Đức T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn b, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vũ Đức T trình bày: Ngày 28-3-2007, ông và bà Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Gi, tỉnh Nam Định, hôn nhân tự nguyện, không ép buộc. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Năm 2014, vợ chồng chuyển đến xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông sinh sống và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bà H đã bỏ đi khỏi địa phương. Tại Quyết định số 06/QĐDS – ST ngày 30-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã tuyên bố bà H mất tích, nên ông T yêu cầu: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị H; về con chung: Trong thời gian sống chung, ông và bà H có 02

con chung là cháu Vũ Minh P, sinh ngày 16-01-2008 và cháu Vũ Lộc P, sinh ngày 16-11-2012, cháu P đang ở cùng ông, khi bà H bỏ đi đã dẫn theo cháu P1, hiện cháu P1 không có tin tức gì nên ông T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu P1 khi nào có tin tức ông yêu cầu giải quyết sau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong tuyên bố mất tích, vắng mặt không lý do nên không thể xem xét nguyện vọng của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn là đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về con chung: Giao cháu P cho ông T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi. Đối với cháu P1 khi nào có tin tức, đương sự có yêu cầu thì giải quyết sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bị đơn bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú cuối cùng tại thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nguyên đơn là ông Vũ Đức T yêu cầu giải quyết về vấn đề ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con",* vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức T, nhận thấy:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 28-3-2007, tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Gi, tỉnh Nam Định, hôn nhân tự nguyện là có thật. Năm 2014, ông T và bà H chuyển đến xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông sinh sống và phát sinh mâu thuẫn, bà H đã bỏ đi khỏi địa phương. Tại Quyết định số 06/QĐDS – ST ngày 30-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong đã tuyên bố bà H mất tích nên yêu cầu xin ly hôn của ông T là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung là cháu Vũ Minh P, sinh ngày 16-01-2008 và cháu Vũ Lộc P1, sinh ngày 16-11-2012, cháu P đang ở cùng ông, khi bà H bỏ đi khỏi địa phương đã dẫn theo cháu P1, hiện tại cháu P1 không có tin tức gì nên ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu P là phù hợp; về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu nên không xem xét. Đối với cháu P1 khi nào có tin tức, đương sự có yêu cầu thì giải quyết sau là phù hợp với thực tế.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu nên không đề cập.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đức T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đức T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

1.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Vũ Minh P, sinh ngày 16-01-2008 cho ông Vũ Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không giải quyết.

1.4. Về tài sản chung: Không giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Vũ Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Tùng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003928 ngày 12-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; ông T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã G, huyện Gi, tỉnh Nam Định (để vào sổ Hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh